

Số: /KL-UBND

Hoàng Mai, ngày tháng 12 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc quản lý tài chính ngân sách tại Trường Mầm non Quỳnh Lộc

Thực hiện Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của Chủ tịch UBND thị xã về việc thanh tra việc quản lý tài chính ngân sách tại Trường Mầm non Quỳnh Lộc. Từ ngày 05/10/2021 đến ngày 02/12/2021 Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường Mầm non Quỳnh Lộc.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 03/12/2021 của Trưởng Đoàn thanh tra.

Chủ tịch UBND thị xã Kết luận thanh tra như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Trường Mầm non Quỳnh Lộc là đơn vị sự nghiệp công lập. Trường có 53 cán bộ, công chức, viên chức (trong đó: Ban giám hiệu 02 người, giáo viên chuyên môn 35 người, nhân viên phục vụ 01 người, nhân viên hợp đồng 15 người. Tổng số học sinh của trường là 734 học sinh, gồm 23 lớp.

Trong 3 năm 2018, 2019 và 2020 Nhà trường đã thu từ nguồn ngân sách là: 15.992.984.379 đồng, chi ngân sách 15.937.725.017 đồng; thu các khoản đóng góp: 7.006.751.500 đồng, chi các khoản đóng góp: 7.005.378.200 đồng, tồn quỹ: 1.373.300 đồng.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Tình hình thu chi ngân sách, thu chi các khoản đóng góp

1.1. Tình hình thu chi ngân sách

TT	Nội dung	Tổng số (đồng)	Trong đó		
			Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)
I	Kinh phí thu	15.992.984.379	5.454.780.581	6.017.918.976	4.520.284.822
II	Kinh phí chi	15.937.725.017	5.454.780.581	5.990.199.000	4.492.745.436
1	Tiền lương	5.874.214.423	1.668.791.200	2.263.311.500	1.942.111.723
2	Phụ cấp lương	4.782.376.983	2.018.573.900	2.001.704.400	762.098.683
3	Bảo hiểm xã hội	1.162.725.568	325.863.978	357.074.800	479.786.790
4	Văn phòng phẩm	45.830.923	17.178.000	8.042.000	20.610.923
5	Sửa chữa nhỏ	295.111.503	200.596.503	57.935.000	36.580.000

TT	Nội dung	Tổng số (đồng)	Trong đó		
			Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)
6	Chuyên môn ngành	573.320.800	105.870.000	177.370.800	290.080.000
7	Vật tư văn phòng	100.870.000	71.108.000	29.762.000	
8	Tài sản cố định	203.957.000	152.377.000	51.580.000	
9	Tiền điện	37.716.817		12.453.500	25.263.317
10	Hỗ trợ chi phí học tập	42.800.000	16.200.000	18.300.000	8.300.000
11	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ	2.381.536.000	762.042.000	871.451.000	748.043.000
12	Hỗ trợ người vào làm việc vùng KT-XH đặc biệt khó khăn	65.000.000	65.000.000		
13	Hỗ trợ khác	127.787.500	34.500.000	19.000.000	74.287.500
14	Tiền thưởng	44.315.000	16.680.000	17.354.000	10.281.000
15	Dịch vụ công cộng	600.000			600.000
16	Cấp bù học phí	199.562.500		104.860.000	94.702.500

1.2. Việc thu chi các khoản đóng góp

a) Việc thu chi Quỹ học phí

TT	Nội dung	Tổng số (đồng)	Trong đó		
			Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)
I	Kinh phí thu	465.726.500	150.854.000	155.651.500	159.221.000
II	Kinh phí chi	464.849.500	150.854.000	155.651.500	158.344.000
1	Lương	170.882.400	76.000.000	24.000.000	70.882.400
2	Phụ cấp	9.160.100	5.699.100	3.461.000	
3	Thanh toán cá nhân	500.000			500.000
4	Sửa chữa nhỏ	11.638.500		11.638.500	
5	Chuyên môn ngành	7.730.000		7.730.000	
6	Thiết bị âm thanh	37.626.500	18.060.000	17.566.500	2.000.000
7	Máy bơm	3.125.000	3.125.000		
8	Tiền điện	24.930.300	15.786.800	9.143.500	
9	Hỗ trợ quà ngày lễ Tết	82.500.000		29.400.000	53.100.000
10	Tiền thưởng	14.430.000	5.830.000	2.600.000	6.000.000
11	Dịch vụ công cộng	33.747.300	10.381.800	21.221.900	2.143.600

TT	Nội dung	Tổng số (đồng)	Trong đó		
			Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)
12	Chi tiếp khách	53.380.600	14.545.000	20.029.100	18.806.500
13	Chi khác	13.818.800	1.426.300	8.861.000	3.531.500
14	Vệ sinh môi trường	1.380.000			1.380.000

b) Việc thu chi Vận động xã hội hóa

TT	Nội dung	Tổng số (đồng)	Trong đó		
			Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)
I	Kinh phí thu	533.351.000	127.226.000	184.627.000	221.498.000
II	Kinh phí chi	533.351.000	127.226.000	184.627.000	221.498.000
1	Trả nợ 4 phòng học tạm năm học 2017-2018	159.333.900	120.000.000	39.333.900	
2	Mua bình nước Sơn Hà	5.060.000		5.060.000	
3	Thanh toán tiền vật liệu sửa 4 phòng học cụm Trung tâm	7.226.000	7.226.000		
4	Thanh toán tiền sửa chữa hệ thống điện nước 2 cụm	69.971.500		36.833.500	33.138.000
5	Đồ dùng cho trẻ: Bếp ga, tủ sấy bát, nồi nấu cháo, phản	84.799.600		84.799.600	
6	Bàn cho trẻ, Nồi đựng nước 100 lít, ghế cho trẻ	34.150.000			34.150.000
7	Hút hầm vệ sinh	7.800.000			7.800.000
8	1 Nồi đựng nước 150 lít +1 nồi đựng nước 200 lít	27.250.000			27.250.000
9	Tủ đồ cá nhân ghế cho trẻ	13.820.000			13.820.000
10	Thanh toán tiền làm vách ngăn, 5 phòng học tạm cụm Trung tâm	32.350.000			32.350.000
11	Thanh toán tiền mua đồ dùng cá nhân đồ chơi, thiết bị ngoại trời	61.800.000			61.800.000
12	Thanh toán thiết bị âm thanh	11.190.000			11.190.000
13	Thanh toán tiền làm giếng khoan nước sạch	18.600.000		18.600.000	

c) Việc thu chi hỗ trợ chăm sóc bán trú

TT	Năm học	Thu (đồng)	Chi (đồng)	Tồn quỹ (đồng)
1	Số dư đầu năm	0		
2	Năm học 2018-2019	383.640.000	383.640.000	
3	Năm học 2019-2020	454.480.000	454.443.700	36.300
4	Năm học 2020-2021	541.810.000	541.350.000	460.000
Tổng		1.379.930.000	1.379.433.700	496.300

Tổng số tiền đã chi là: **1.379.433.700 đồng**, gồm các nội dung sau:

TT	Nội dung	Tổng số (đồng)	Trong đó		
			Năm học 2018-2019 (đồng)	Năm học 2019-2020 (đồng)	Năm học 2020-2021 (đồng)
	Tổng	1.379.433.700	383.640.000	454.443.700	541.350.000
1	Lương cô nuôi	895.100.000	277.200.000	271.400.000	346.500.000
2	Hỗ trợ giáo viên	95.462.000		19.650.000	75.812.000
3	Tiền nước	58.556.000	24.150.000	14.110.000	20.296.000
4	Tiền điện	23.281.400		13.814.400	9.467.000
5	Quà	15.250.000		12.000.000	3.250.000
6	Mua đồ dùng	271.694.300	82.290.000	103.379.300	86.025.000
7	Máy nước nóng lạnh	5.200.000		5.200.000	
8	Sát khuẩn tay + bồn rửa	14.890.000		14.890.000	

d) Việc thu chi tiền ăn học sinh

TT	Năm học	Thu (đồng)	Chi (đồng)	Tồn quỹ (đồng)
1	Số dư đầu năm	0		
2	Năm học 2018-2019	1.653.712.000	1.653.712.000	0
3	Năm học 2019-2020	1.365.728.000	1.365.728.000	0
4	Năm học 2020-2021	1.608.304.000	1.608.304.000	0
Tổng		4.627.744.000	4.627.744.000	0

Tổng số tiền đã chi là: **4.627.744.000 đồng** chủ yếu mua thực phẩm, gia vị và các nội dung khác phục vụ việc ăn của học sinh.

2. Thanh toán chế độ ốm đau, thai sản

Năm 2018, 2019, 2020 đã thanh toán chế độ nghỉ thai sản và dưỡng sức cho 14 cán bộ, công nhân, viên chức với tổng số tiền là 388.633.100 đồng. Toàn bộ kinh phí hỗ trợ trên do BHXH chi trả, cụ thể:

- Năm 2018, thanh toán chế độ nghỉ thai sản và dưỡng sức cho 02 người, tổng số tiền chi trả là 58.944.100 đồng.
- Năm 2019, thanh toán chế độ nghỉ thai sản và dưỡng sức cho 07 người, tổng số tiền chi trả là 194.483.400 đồng.
- Năm 2020, thanh toán chế độ nghỉ thai sản và dưỡng sức cho 05 người, tổng số tiền chi trả là 135.205.600 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

- Hồ sơ chứng từ kế toán được lưu đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, công tác hạch toán kế toán, lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính đảm bảo chế độ quy định. Hồ sơ lưu trữ cẩn thận, khoa học. Cơ bản điều hành thu chi đúng quy định hướng dẫn hiện hành.

- Nhà trường đã quan tâm thanh toán đầy đủ chế độ tiền lương, phụ cấp lương, tiền thưởng, nghỉ sinh, nghỉ ốm, các chế độ khác cho cán bộ và giáo viên, nhân viên; quan tâm sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học của giáo viên và trẻ.

- Các khoản thu thỏa thuận giữa nhà trường và phụ huynh đã thực hiện đảm bảo quy trình, được phụ huynh học sinh họp, bàn thống nhất.

- Đã xây dựng được: Quy chế chi tiêu nội bộ; kế hoạch thu, chi mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất hằng năm của đơn vị đầy đủ.

2. Tồn tại, khuyết điểm

- Thu chi ngân sách: vẫn còn một số chứng từ chi chưa chặt chẽ.
- Thu quỹ học phí chưa nộp đủ 100% kịp thời vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước (KBNN), còn để quỹ ở trường chi (tọa chi) chưa đúng theo quy định tại điểm 1.4 mục I Hướng dẫn số 2378/SGD&ĐT-KHTC ngày 16/12/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nghệ An, từ đó phát sinh một số chứng từ còn chưa chặt chẽ, cụ thể:
 - + Năm 2018: nộp 52.000.000 đồng/150.854.000 đồng, đạt tỷ lệ 34,47%.
 - + Năm 2019: thu 155.651.500 đồng, chưa nộp vào tài khoản KBNN.
 - + Năm 2020: thu 158.344.000 đồng, chưa nộp vào tài khoản KBNN.
- Thu quỹ chăm sóc bán trú chưa nộp vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước mà để tọa chi.

Trách nhiệm này thuộc về bà Đậu Thị Nguyệt, nguyên Hiệu trưởng và bà Vương Thị Hồng Cẩm, Kế toán.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Chủ tịch UBND thị xã phê bình bà Đậu Thị Nguyệt, nguyên Hiệu trưởng và bà Vương Thị Hồng Cẩm, Kế toán Trường Mầm non Quỳnh Lộc.

2. Chủ tịch UBND thị xã giao

2.1. *Hiệu Trưởng Trường Mầm non Quỳnh Lộc*

- Công khai bản Kết luận thanh tra theo quy định.
- Tổ chức họp và kiểm điểm đối với bà Đậu Thị Nguyệt, nguyên Hiệu trưởng và bà Vương Thị Hồng Cẩm, Kế toán để xảy ra tồn tại, khuyết điểm theo kết luận.
- Bổ sung một số chứng từ chi đầy đủ, đảm bảo theo quy định. Lưu trữ đầy đủ hồ sơ kế toán theo quy định.
- Nạp tiền quỹ học phí, các khoản thu quỹ vận động xã hội hóa, quỹ chăm sóc bán trú, tiền ăn học sinh vào tài khoản của Trường mở tại Kho bạc Nhà nước để kiểm soát chi theo quy định.

2.2. *Phòng Tài chính - Kế hoạch*

Tăng cường công tác kiểm tra việc quản lý tài chính; chủ trì phối hợp với Phòng Giáo dục - Đào tạo tổ chức tập huấn về công tác quản lý tài chính cho Hiệu trưởng, kế toán các trường học trên địa bàn.

2.3. *Chánh Thanh tra thị xã*

Theo dõi việc thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định tại Thông tư số 01/2013/TT-TTCT ngày 12/3/2013 của Thanh tra chính phủ. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Chủ tịch UBND thị xã theo quy định.

3. Thời gian thực hiện

Việc thực hiện Kết luận này hoàn thành *trước ngày 31/01/2022* và báo cáo kết quả về Chủ tịch UBND thị xã (qua Thanh tra thị xã)./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- BTV Thị ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND thị xã;
- UBKT, CQ TCNV Thị ủy;
- Các phòng: GD&ĐT, TC-KH;
- Đảng ủy, UBND xã Quỳnh Lộc;
- Trường Mầm non Quỳnh Lộc;
- Lưu: VT, TTR.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu An